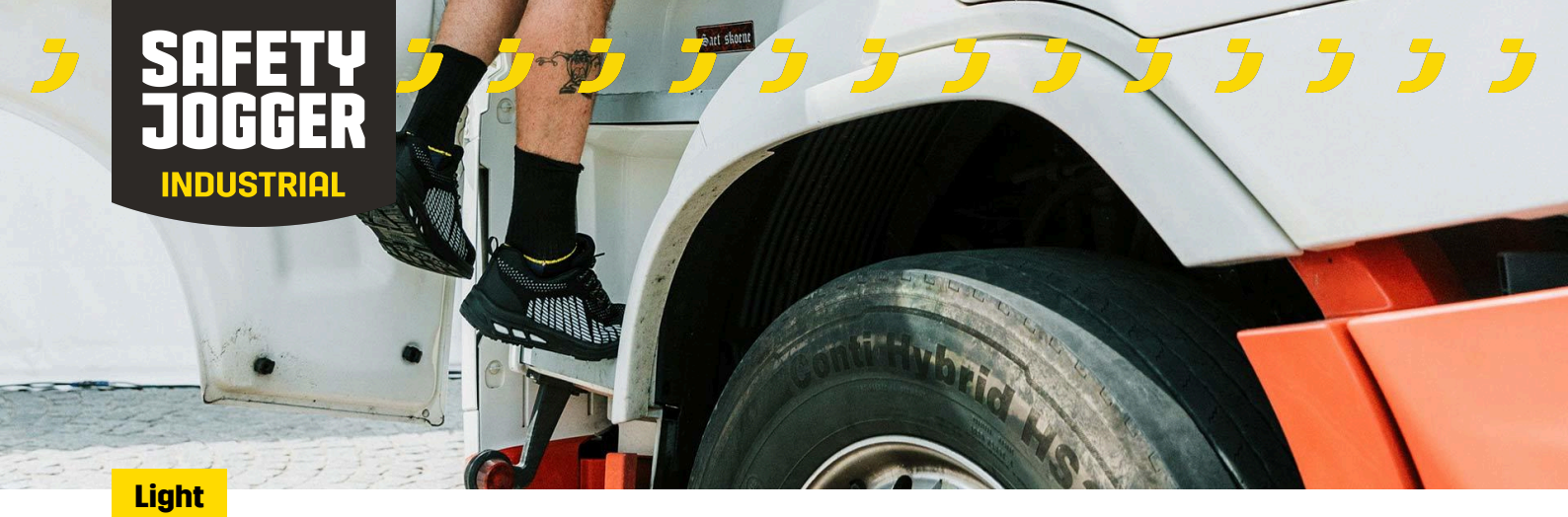
SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL



Light

FITZ S1 P

Giày bảo h ộ **S1P thoáng khí,** nh ẹ **và** thấp
Fitz là m ộ giày trong h ộ thoáng khí nh ất t ên th ị ợc thiế t
k ế để c ải l ện trong điều k iệ n làm việ c nóng bứ c . Mặt trên
thoáng khí hút ẩm và t ạo hiệu ứ n g làm mát cho đôi chân
, đồng thiế và ệ m chân bằn g b ọ t SJ có th i ều hòa
. Ngoài ra Fitz đáp các tính năng và thép và đế ngoài
chống trượt, làm việ c hoàn toàn an toàn.

Những vật liệu cao cấp hơn	hàng dệt kim
lót bên trong	i thép
trong	Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa	đế g Thép
ngoài	Đ PU
u	Đứng đầ Thép
i	Loạ S1 P / SR, FO, CI, ESD
	Phạm vi kích thước EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng t	thép 0.605 kg
ẩn	hiêu chu EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

CO_2
8.86 kg



NAV



BLK



115



GRY



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt
độ c **mát** lâu hơn.



SRC
rước là ộ trong những tính năng an toàn và
giày bảo ợc chứng nhận qua cả bài
SRA và SRB, chúng được kiểm
tra trên cả bề mặt thép và gốm.



Mũi giày an toàn bằng **thép**
Giá đỡ ch ắc chắn bảo vệ chân ổ lăn hoặc rơ



T **SJ** BỘ
ấm lót chân chống tĩnh mái có thể tháo rời
vấn, dẫn hướng và hấp thụ sốc
g ót chân và bàn Thoáng khí và hút ẩm.



iữa bằng **thép**
đâm thủng được làm bằng thép
không ỉ hoặc phủ và ngăn các xâm
nhập từ đế ngoài.

Công nghiệp **n:**
lĩnh vự c ô tô, Xây dựcần g, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t
rư ờn mộikhô

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cách hàm nhiệ Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **hàng** dệ t **kim** **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng thấm hút mồ hôi	? 0.8	18.4		ờ	mg/cm/g
	Top: hi nuệ số hấ ơ	? 15	147.7			mg/cm2
ót bên trong	i **thép** Lư ớ					
	L ớp lót: thấm hút mồ hôi	? 2	21.45		ờ	mg/cm/g
	lót: hi nuệ số hấ ơ	? 20	172			mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đch ố n g mài mòn (khô/ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800			chu kỳ
goài	Đ **PU**					
	Ch ố n g trơn trượt đế ngoài (mài mòn)	? 150	87			mm
	Chư ố ợt trc gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31	0.53			ma sát
	rư Ợt cố ợt bằng G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.52			ma sát
	rư Ợt SR n G ế t m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	0.30			ma sát
	Chư ố ợt trượt SR g G ố m + Glycerin - Tư ợt lùi v ề phía t	? 0.22	0.30			ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	66.1			megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	27			megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân củ	? 20	30			J
Đ ứ n g đầ **Thép**						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	16.5			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	21.5			mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi khuyến cáo thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO phát** thả					
	V ật l iệu		6.59		kg
	Bao bì		0.12		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			8.86 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		8%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.